

PHÁT TRIỂN XÃ HỘI HỌC TẬP SỐ TẠI VIỆT NAM: PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trần Thị Mai Hanh¹, Bùi Thị Nga¹, Trịnh Hải Yến¹

Email: hanhntm@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/08/2025

Ngày phản biện đánh giá: 08/10/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 24/10/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.791

Tóm tắt: Bài viết phân tích thực trạng và chính sách phát triển xã hội học tập số tại Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số gắn với mục tiêu phát triển bền vững. Trên cơ sở phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, nghiên cứu xem xét các văn bản chính sách do Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các cơ quan chức năng ban hành. Kết quả cho thấy Việt Nam đã đạt được tiến bộ trong xây dựng khung pháp lý và định hướng chiến lược, song còn hạn chế về hạ tầng, năng lực số của người dân và tính đồng bộ khi triển khai. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy nhiều mô hình thành công. Hàn Quốc tập trung đầu tư hạ tầng viễn thông và phát triển nền tảng học tập trực tuyến quốc gia. Singapore nổi bật với chương trình SkillsFuture thúc đẩy học tập suốt đời, gắn kết giữa nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Phần Lan chú trọng giáo dục mở, nhấn mạnh tính cá nhân hóa và công bằng trong tiếp cận học tập số. Từ đó, bài viết đề xuất Việt Nam cần đẩy mạnh đầu tư công cho hạ tầng số, xây dựng hệ sinh thái học tập mở, nâng cao nhận thức cộng đồng và tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý. Những giải pháp này giúp thúc đẩy xã hội học tập số phát triển bền vững, phù hợp xu thế toàn cầu.

Từ khóa: chính sách, chuyển đổi số, học tập số, phát triển bền vững, xã hội học tập

I. Đặt vấn đề

Nghị quyết số 71-NQ-TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo khẳng định: “Trong bối cảnh thế giới có những thay đổi sâu sắc, toàn diện, đặc biệt công nghệ số và trí tuệ nhân tạo đang tái định

hình nền giáo dục trên phạm vi toàn cầu, mỗi quốc gia đều phải xác định lại tầm nhìn và chiến lược mới cho hệ thống giáo dục trong tương lai, đặt trọng tâm vào phát triển và cạnh tranh thu hút nhân tài.”.

Trước yêu cầu và cơ hội để bứt phá thực hiện thắng lợi hai mục tiêu 100 năm,

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

đòi hỏi giáo dục và đào tạo phải đóng vai trò nòng cốt trong xây dựng thể hệ con người Việt Nam mới có lòng yêu nước và tự hào dân tộc, đủ bản lĩnh, trí tuệ, sức khỏe để kiến tạo nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự cường và hội nhập sâu rộng trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng Công nghiệp 4.0. Việt Nam, với dân số trẻ, tỷ lệ sử dụng internet cao và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ, đang đứng trước cơ hội. Tuy nhiên, việc tận dụng hiệu quả những lợi thế này đòi hỏi một chiến lược tổng thể, trong đó, xây dựng một xã hội học tập số được xem là nền tảng cốt lõi. Mô hình này không chỉ đơn thuần là việc số hóa các tài liệu giảng dạy, mà là một sự chuyển đổi căn bản để kiến tạo một hệ sinh thái học tập toàn diện, nơi mọi người dân đều có thể tiếp cận tri thức và phát triển kỹ năng liên tục thông qua các nền tảng số.

Sự phát triển của xã hội học tập số có vai trò đặc biệt quan trọng đối với Việt Nam, giúp giải quyết các thách thức xã hội then chốt. Thứ nhất, đây là giải pháp góp phần giảm thiểu bất bình đẳng trong giáo dục, giúp người dân ở các vùng sâu, vùng xa có cơ hội tiếp cận tri thức chất lượng cao. Thứ hai, đây là công cụ hiệu quả để nâng cao năng lực nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động đang thay đổi nhanh chóng. Cuối cùng, việc liên tục học tập và cập nhật kiến thức là yếu tố then chốt để phục vụ mục tiêu phát triển bền vững.

Ngày nay, chuyển đổi số (CĐS) không chỉ là một xu thế mà đã trở thành yêu cầu cấp thiết, định hình lại năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia. Nhận thức được tầm quan trọng này, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách nhằm thúc đẩy CĐS. Tuy nhiên, hiệu quả và mức

độ thực thi các chính sách CĐS trong thực tiễn vẫn là một vấn đề cần được nghiên cứu, đánh giá sâu. Đặc biệt, sự kết hợp giữa xây dựng học tập trong bối cảnh CĐS để phát triển thành xã hội học tập số là mục tiêu và giải pháp để phát triển xã hội học tập theo đúng quan điểm của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 71-NQ/TW. Chính vì lẽ đó, bài viết này được thực hiện với mục đích phân tích các chính sách hiện hành, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu và từ đó đề xuất các giải pháp mang tính đột phá nhằm thúc đẩy quá trình phát triển xã hội học tập số tại Việt Nam một cách hiệu quả và bền vững trong giai đoạn sắp tới.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm về xã hội học tập và xã hội học tập số

- Xã hội học tập (XHHT) được hiểu là một hệ sinh thái giáo dục suốt đời (GDSD), nơi mọi người dân có thể học mọi lúc, mọi nơi nhằm mở rộng, củng cố và phát triển năng lực cá nhân (kiến thức, kỹ năng, thái độ) phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Theo John Dewey (1916), nhà triết học và cải cách giáo dục Mỹ, giáo dục không phải là sự chuẩn bị cho cuộc sống, mà chính là cuộc sống. Ông nhấn mạnh việc học phải gắn liền với trải nghiệm thực tiễn, giúp người học chủ động khám phá thay vì tiếp thu thụ động. Quan điểm này đặt nền móng cho tư tưởng học tập suốt đời và giáo dục tiến bộ sau này.

Malcolm Knowles (1980), “cha đẻ của giáo dục người lớn” (andragogy), phát triển lý thuyết về cách người lớn học tập, góp phần hình thành những nguyên tắc quan trọng của học tập suốt đời - nhấn mạnh vai trò tự chủ, kinh nghiệm và động lực cá nhân trong quá trình học.

Drucker (1993) trong *Post-Capitalist Society* nêu khái niệm “xã hội tri thức”, cho rằng nhân loại đã chuyển từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế dựa trên tri thức - nguồn lực cốt lõi thay thế cho tư bản và lao động. Trong xã hội này, học tập suốt đời trở thành kỹ năng thiết yếu giúp con người thích ứng với thay đổi và phát triển bền vững.

Khái niệm XHHT được chính thức đề cập trong Báo cáo Delors của UNESCO (1996) “Học tập: Kho báu tiềm ẩn”, xây dựng trên bốn trụ cột:

Học để biết (Learn to know): Học cách học, tiếp thu và mở rộng tri thức.

Học để làm (Learn to do): Vận dụng sáng tạo kiến thức vào thực tiễn.

Học để chung sống (Learn to live together): Hiểu, tôn trọng và hợp tác với người khác.

Học để tự khẳng định mình (Learn to be): Phát triển toàn diện thể chất, tinh thần và nhân cách.

Trong XHHT, việc học vượt ra khỏi phạm vi nhà trường, không bị giới hạn bởi tuổi tác hay hình thức. Người học có thể học chính quy, không chính quy hay phi chính quy - học qua công việc, công nghệ hay trải nghiệm. Mục tiêu là kiến tạo một môi trường học tập liên tục, thúc đẩy phát triển cá nhân, gắn kết cộng đồng và tiến bộ xã hội.

Như vậy, XHHT không chỉ là định hướng giáo dục mà còn là chiến lược phát triển bền vững. Dựa trên cơ sở lý luận của UNESCO và tư tưởng của các học giả tiêu biểu, có thể khẳng định: học tập suốt đời là chìa khóa để cá nhân và xã hội thích ứng, phát triển hài hòa và hội nhập trong kỷ nguyên tri thức.

- Xã hội học tập số là mô hình xã hội học tập truyền thống được nâng lên

một tầm cao mới nhờ sự ứng dụng mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong mọi khía cạnh của đời sống. Đây không chỉ là việc sử dụng máy tính hay internet để học, mà là việc xây dựng một hệ sinh thái học tập toàn diện, nơi công nghệ trở thành cầu nối giúp mọi người tiếp cận tri thức một cách linh hoạt, cá nhân hóa và hiệu quả.

Trong mô hình này, việc học diễn ra mọi lúc, mọi nơi, với các nền tảng học trực tuyến (MOOCs), thư viện số, các ứng dụng học tập và công cụ tương tác ảo. Các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR) giúp trải nghiệm học tập trở nên sinh động và hấp dẫn hơn, phá vỡ rào cản về không gian và thời gian. XHHT số không chỉ mang lại cơ hội tiếp cận kiến thức cho những người không có điều kiện đến trường lớp mà còn thúc đẩy thói quen học tập suốt đời. Nó trao quyền cho mỗi cá nhân tự chủ trong quá trình học tập của mình, từ việc lựa chọn nội dung, phương pháp đến tốc độ học. Cuối cùng, XHHT số giúp mỗi người trang bị những kỹ năng cần thiết để thích ứng và phát triển trong một thế giới không ngừng thay đổi.

2.2. Chuyển đổi số và phát triển bền vững

Chuyển đổi số là quá trình thay đổi toàn diện và tổng thể các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội dựa trên việc áp dụng công nghệ số. Trong giáo dục, CDS không chỉ là việc sử dụng công nghệ trong giảng dạy mà còn là sự thay đổi mô hình, phương thức học tập và quản lý.

Phát triển bền vững được định nghĩa là sự phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai. Giáo dục là một trong 17 mục tiêu phát

triển bền vững của Liên Hợp Quốc (Mục tiêu số 4: “Đảm bảo một nền giáo dục có chất lượng, bao trùm, công bằng và thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người”). Xã hội học tập số chính là một công cụ hiệu quả để hiện thực hóa mục tiêu này.

2.3. Các yếu tố của xã hội học tập số

- *Công nghệ số*: Tích hợp mặc định vào mọi khía cạnh đời sống, giúp người dân kết nối, tương tác và tiếp cận thông tin một cách thuận lợi.

- *Kỹ năng số*: Người dân cần có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ và nền tảng số để học tập, làm việc và giải quyết vấn đề.

- *Học tập suốt đời*: Mọi người có ý thức và cơ hội để học hỏi, cập nhật kiến thức, kỹ năng mới một cách liên tục để thích ứng với sự phát triển của xã hội số.

- *Môi trường học tập mở, linh hoạt*: Hệ thống giáo dục số, các nền tảng học trực tuyến và tài nguyên học tập mở giúp mọi người tiếp cận tri thức công bằng và bình đẳng.

- *Thói quen và văn hóa số*: Sự hình thành thói quen sử dụng công nghệ số để học tập và tương tác, cùng với việc xây dựng văn hóa chia sẻ tri thức trên môi trường số.

III. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng cách tiếp cận định tính (qualitative approach), trong đó phương pháp chủ đạo là phân tích tài liệu (document analysis) kết hợp với tổng hợp và so sánh chính sách. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ hệ thống văn bản chỉ đạo và pháp lý quan trọng của Đảng và Nhà nước, bao gồm Nghị quyết các kỳ Đại hội Đảng, Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn

bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị, cùng các văn bản pháp lý của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành liên quan. Tiêu biểu là Quyết định 749/QĐ-TTg về Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, và Quyết định 1313/QĐ-TTg về Kế hoạch hành động của ngành giáo dục giai đoạn 2021-2025.

Song song, nghiên cứu phân tích các báo cáo tổng kết, nghị quyết, đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cùng với các công trình khoa học, báo cáo nghiên cứu và ấn phẩm chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục, chuyển đổi số và xã hội học tập.

Dữ liệu sau khi thu thập được xử lý thông qua phương pháp tổng hợp và so sánh nhằm hệ thống hóa, phân tích và đánh giá mức độ đồng bộ cũng như hiệu quả của các chính sách hiện hành. Cách tiếp cận này không chỉ cho phép nhận diện các thành tựu và hạn chế trong quá trình triển khai mà còn góp phần làm rõ khoảng trống chính sách, từ đó đề xuất các định hướng và giải pháp phù hợp để thúc đẩy phát triển xã hội học tập số tại Việt Nam

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kinh nghiệm quốc tế về chính sách xây dựng xã hội học tập số

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, việc xây dựng xã hội học tập số (XHHTS) trở thành yêu cầu tất yếu và cấp bách. Khái niệm “xã hội học tập” do UNESCO khởi xướng nay được mở rộng với yếu tố “số”, nhấn mạnh sự kết hợp giữa công nghệ, con người và chính sách để mọi người đều có cơ hội học tập suốt đời. XHHTS không chỉ là việc học trực tuyến, mà là một hệ sinh thái giáo dục mở, ứng dụng công nghệ như trí tuệ nhân

tạo, dữ liệu lớn và Internet vạn vật nhằm phát triển kỹ năng, tri thức và năng lực thích ứng của người dân.

Tại Việt Nam, chiến lược chuyển đổi số quốc gia xác định giáo dục là lĩnh vực trọng tâm. Tuy nhiên, để phát triển XHHTS hiệu quả và bền vững, Việt Nam cần học hỏi kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt từ các mô hình thành công của Singapore, Hàn Quốc và Phần Lan, nhằm xây dựng nền tảng học tập linh hoạt, toàn diện và thích ứng trong kỷ nguyên số.

4.1.1. Kinh nghiệm từ Singapore

• Chính sách và cách tiếp cận

Singapore là quốc gia tiên phong trong xây dựng xã hội học tập số thông qua chiến lược Smart Nation (Quốc gia thông minh), coi giáo dục là một trong những trụ cột trọng tâm bên cạnh giao thông, y tế và quản lý đô thị. Chiến lược này hướng đến việc tích hợp công nghệ số vào mọi lĩnh vực, giúp người dân dễ dàng tiếp cận tri thức và dịch vụ công.

Nổi bật là chương trình SkillsFuture, trong đó mọi công dân từ 25 tuổi trở lên được cấp tín dụng học tập để tham gia các khóa học trực tuyến hoặc trực tiếp, qua đó thúc đẩy giáo dục mở và học tập suốt đời cho toàn dân.

• Tác động và ý nghĩa

Nhờ có SkillsFuture, người dân Singapore luôn trong trạng thái chủ động cập nhật kỹ năng, đặc biệt là các kỹ năng số. Điều này góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của lực lượng lao động quốc gia, đồng thời tạo ra một văn hóa học tập mạnh mẽ, gắn kết giữa cá nhân, doanh nghiệp và nhà nước.

Năm 2023, khoảng 520.000 cá nhân đã tham gia các khóa đào tạo do SSG (SkillsFuture Singapore) hỗ trợ. Trong số

đó, có khoảng 192.000 người đã sử dụng tín dụng SkillsFuture (SFC) để đăng ký khóa học.

Năm 2024, số học viên tham gia các khóa SSG-supported tăng lên 555.000 người. Trong năm 2024, 260.000 người đã sử dụng tín dụng SkillsFuture cao hơn đáng kể so với 192.000 người năm 2023.

Tính từ khi khởi đầu (năm 2016), đến năm 2024, khoảng 1,05 triệu người Singapore (tương đương ~37% dân số Singapore) đã sử dụng tín dụng SkillsFuture ít nhất một lần (SkillsFuture Singapore, 2024).

4.1.2. Kinh nghiệm từ Hàn Quốc

• Chính sách và cách tiếp cận

Hàn Quốc nổi tiếng với tốc độ Internet hàng đầu thế giới và là một trong những quốc gia sớm đầu tư vào công nghệ giáo dục (EdTech). Ngay từ những năm 2000, chính phủ đã có chiến lược quốc gia về “Xã hội thông tin” và coi công nghệ giáo dục là một mũi nhọn phát triển. Nhà nước không chỉ xây dựng hạ tầng kỹ thuật mạnh mẽ, mà còn hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ giáo dục, tạo điều kiện cho hàng loạt nền tảng học tập số ra đời.

Một điểm nhấn trong chính sách của Hàn Quốc là việc số hóa toàn bộ chương trình giáo dục, từ bậc phổ thông đến đào tạo nghề. Học liệu điện tử, sách giáo khoa số và các khóa học trực tuyến được phổ biến rộng rãi. Ngoài ra, Hàn Quốc còn tổ chức nhiều chương trình đào tạo kỹ năng số cho mọi lứa tuổi, từ trẻ em đến người cao tuổi, nhằm đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau trong kỷ nguyên số.

• Tác động và ý nghĩa

Nhờ chính sách này, Hàn Quốc đã tạo dựng được một xã hội học tập số năng động, nơi EdTech không chỉ phục vụ cho giáo dục chính quy mà còn mở

rộng sang đào tạo doanh nghiệp, kỹ năng nghề nghiệp và học tập cộng đồng. Theo báo cáo thị trường, năm 2024 thị trường EdTech & học liệu số của Hàn Quốc được định giá khoảng USD 4 tỷ (UNESCO, 1996). Điều này giúp quốc gia duy trì lực lượng lao động có kỹ năng cao, đồng thời thúc đẩy sự sáng tạo và phát triển ngành công nghiệp công nghệ giáo dục.

4.1.3. Kinh nghiệm từ Phần Lan

• Chính sách và cách tiếp cận

Phần Lan là quốc gia có hệ thống giáo dục được đánh giá cao nhất thế giới, và cách tiếp cận của họ đối với xã hội học tập số mang đậm tính nhân văn. Thay vì quá nhấn mạnh vào công nghệ, Phần Lan tập trung vào người học và vai trò của giáo viên.

Chính sách của Phần Lan khuyến khích việc tích hợp công nghệ số vào giảng dạy một cách tự nhiên và có mục đích. Giáo viên được trao quyền tự chủ cao trong việc lựa chọn công cụ số, tùy theo nhu cầu học tập của học sinh. Công nghệ được coi là phương tiện hỗ trợ, không phải là mục tiêu. Mục tiêu chính là phát triển tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề và khả năng tự học, đó là những năng lực cốt lõi để thích ứng với thế giới số.

• Tác động và ý nghĩa

Với cách tiếp cận này, học sinh Phần Lan không chỉ giỏi sử dụng công nghệ, mà còn có khả năng làm chủ tri thức, tư duy sáng tạo và tự học hiệu quả. Đồng thời, giáo viên trở thành những “nhà thiết kế giáo dục” sáng tạo, linh hoạt, thay vì bị bó buộc trong khuôn khổ cứng nhắc của công nghệ (Vũ, 2022).

4.2. Thực tiễn ở Việt Nam và bài học kinh nghiệm

4.2.1. Chính sách và cách tiếp cận

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số (CDS) trở

thành xu thế tất yếu, Việt Nam đã đạt được những bước tiến quan trọng trong xây dựng xã hội học tập số (XHHTS). Sự phát triển này được định hướng và thúc đẩy mạnh mẽ thông qua các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ.

Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị (2019) xác định việc chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là chiến lược trọng tâm, nhấn mạnh vai trò của tri thức, công nghệ và giáo dục trong việc tạo ra động lực phát triển mới. Tiếp đó, Quyết định số 749/QĐ-TTg (2020) phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, coi giáo dục và y tế là hai lĩnh vực ưu tiên hàng đầu, hướng tới xây dựng hệ thống giáo dục số và phát triển học liệu số. Đặc biệt, Quyết định số 1313/QĐ-TTg (2022) phê duyệt “Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” đã cụ thể hóa mục tiêu phát triển giáo dục mở, học tập suốt đời và nâng cao năng lực số cho người dân.

Ngoài ra, các Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học cùng các Nghị định, Thông tư hướng dẫn đã hoàn thiện khung pháp lý, tạo điều kiện triển khai XHHTS một cách thực chất. Nhờ sự chỉ đạo đồng bộ, Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu nổi bật, thể hiện sự quyết tâm của Chính phủ và sự đồng lòng của toàn xã hội trong việc ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Một trong những kết quả đáng ghi nhận là sự phát triển mạnh mẽ của hạ tầng số và khả năng tiếp cận internet. Với tỷ lệ người dùng internet cao và mạng di động phủ sóng rộng, người dân ở mọi vùng miền có thể tiếp cận tài nguyên học tập số, góp phần thu hẹp khoảng cách giáo dục giữa thành thị và nông thôn.

Bên cạnh hạ tầng, chính sách của Nhà nước giữ vai trò định hướng then chốt. Các chương trình CDS trong giáo dục đã tạo hành lang pháp lý, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia vào quá trình này. Nhiều nền tảng học trực tuyến quốc gia và đại học được xây dựng, cung cấp khóa học đa dạng từ phổ thông, đại học đến kỹ năng nghề nghiệp.

Sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp công nghệ (EdTech) cũng góp phần thúc đẩy XHHTS. Các công ty đã đầu tư phát triển ứng dụng học tập, nền tảng đào tạo trực tuyến, công cụ hỗ trợ giảng dạy và hợp tác với các trường học để cung cấp chương trình gắn với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động.

Đặc biệt, sự thay đổi nhận thức của người dân là bước tiến lớn. Từ khi đại dịch COVID-19 bùng nổ, học trực tuyến chuyển từ giải pháp tạm thời thành xu hướng lâu dài. Ngày càng nhiều người chủ động tham gia học trực tuyến để nâng cao năng lực, chứng tỏ học tập số đã trở thành một phần thiết yếu của đời sống.

Tóm lại, nhờ sự kết hợp giữa hạ tầng, chính sách, công nghệ và nhận thức xã hội, Việt Nam đã xây dựng được nền tảng vững chắc cho phát triển XHHTS. Đây là tiền đề quan trọng giúp đất nước tận dụng công nghệ, nâng cao chất lượng nhân lực và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong kỷ nguyên số.

4.2.2. Thách thức và hạn chế

Bên cạnh những thành tựu đạt được, quá trình phát triển xã hội học tập số (XHHTS) ở Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức cần được giải quyết đồng bộ.

Trước hết, chênh lệch vùng miền và hạ tầng số vẫn là rào cản lớn. Dù internet đã phổ biến, nhưng khu vực nông thôn,

vùng sâu, vùng xa vẫn thiếu thiết bị và mạng tốc độ cao, gây bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục số.

Thứ hai, năng lực số của người dân còn hạn chế. Nhiều người, đặc biệt là người lớn tuổi hoặc ở nông thôn, chưa thành thạo kỹ năng công nghệ, dẫn đến khó khăn trong tự học và khai thác nguồn học liệu trực tuyến.

Thứ ba, chất lượng nội dung học liệu số chưa đảm bảo. Học liệu còn thiếu tính đa dạng, chưa được kiểm duyệt kỹ lưỡng và chưa phù hợp với đặc thù văn hóa, khiến người học khó tìm được tài liệu tin cậy và phù hợp.

Cuối cùng, chính sách phát triển XHHTS còn thiếu đồng bộ giữa các Bộ, ngành, gây ra tình trạng chồng chéo hoặc bỏ ngỏ trong triển khai.

Để xây dựng XHHTS bền vững, Việt Nam cần giải quyết đồng thời các vấn đề về hạ tầng, năng lực số, chất lượng học liệu và cơ chế phối hợp chính sách.

4.2.3. Bài học cho Việt Nam

Ba quốc gia Singapore, Hàn Quốc và Phần Lan đã chứng minh rằng phát triển xã hội học tập số (XHHTS) là một quá trình tổng thể, đòi hỏi sự kết hợp giữa chính sách, công nghệ, hạ tầng và con người.

Từ Singapore, bài học quan trọng là cần cơ chế khuyến khích tài chính rõ ràng cho người học và xây dựng hệ sinh thái số toàn diện, nơi công nghệ phục vụ cả giáo dục và đời sống.

Hàn Quốc cho thấy hiệu quả của việc đầu tư sớm vào hạ tầng số và công nghệ giáo dục (EdTech), đồng thời phổ cập kỹ năng số toàn dân. Việt Nam có thể vận dụng bằng cách phát triển nền tảng học tập quốc gia (LMS), hỗ trợ doanh nghiệp EdTech trong nước và mở rộng cơ

hội học tập cho mọi tầng lớp, nhất là nhóm yếu thế.

Từ Phần Lan, kinh nghiệm nhấn mạnh vai trò giáo viên và người học - công nghệ chỉ là công cụ hỗ trợ, không thể thay thế yếu tố con người.

Vì vậy, Việt Nam cần chiến lược phát triển XHHTS toàn diện, vừa đầu tư hạ tầng và công nghệ, vừa đặt con người làm trung tâm, hướng tới phát triển bền vững trong kỷ nguyên số.

V. Một số giải pháp phát triển xã hội học tập số tại Việt Nam

Để giải quyết các thách thức trên và thúc đẩy quá trình phát triển xã hội học tập số tại Việt Nam một cách hiệu quả và bền vững, bài viết đề xuất một số giải pháp chiến lược toàn diện sau:

5.1. Tăng cường đầu tư công - tư

Việc phát triển hạ tầng và nền tảng số không thể chỉ dựa vào nguồn lực công mà cần sự tham gia mạnh mẽ của khu vực tư nhân. Chính phủ cần có các chính sách đột phá để khuyến khích sự hợp tác công - tư trong lĩnh vực giáo dục số. Điều này bao gồm việc xây dựng một cơ chế pháp lý rõ ràng và minh bạch cho các doanh nghiệp công nghệ (EdTech) tham gia vào việc phát triển nền tảng và nội dung học tập. Các hình thức ưu đãi về thuế, hỗ trợ tài chính hoặc các chương trình hợp tác thí điểm có thể được áp dụng để giảm thiểu rủi ro cho các nhà đầu tư tư nhân.

Đầu tư công nên tập trung vào việc phát triển hạ tầng số tại các vùng khó khăn, nông thôn và vùng sâu vùng xa, đảm bảo mọi người dân đều có thể tiếp cận internet tốc độ cao. Đồng thời, cần khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân phát triển các giải pháp công nghệ sáng tạo, phù hợp với từng nhóm đối tượng cụ thể. Ví dụ, việc

phát triển các nền tảng học tập ngoại tuyến (offline) hoặc các ứng dụng tiết kiệm băng thông sẽ giúp giải quyết vấn đề kết nối yếu ở một số khu vực. Sự hợp tác này không chỉ tăng tốc độ phát triển mà còn nâng cao chất lượng và tính đa dạng của các dịch vụ học tập số.

5.2. Phát triển hệ sinh thái học tập số mở

Để giải quyết vấn đề thiếu hụt và chất lượng học liệu, cần xây dựng một kho học liệu số quốc gia theo mô hình hệ sinh thái mở. Kho học liệu này không chỉ là nơi lưu trữ mà còn là một nền tảng tương tác, cho phép các cơ sở giáo dục, tổ chức, chuyên gia và cá nhân đóng góp, chia sẻ các tài nguyên giáo dục của mình. Việc kiểm duyệt và đánh giá chất lượng học liệu cần được thực hiện bởi một hội đồng chuyên môn độc lập để đảm bảo tính chính xác và khoa học.

Mô hình mở sẽ khuyến khích sự đa dạng hóa về nội dung, từ các bài giảng lý thuyết chuyên sâu, các khóa học kỹ năng thực hành, đến các tài liệu học tập mang tính sáng tạo. Đồng thời, việc áp dụng các tiêu chuẩn mở (Open Educational Resources - OER) sẽ giúp các nội dung này có thể được sử dụng, tùy chỉnh và phân phối lại một cách tự do, tạo ra một vòng lặp học tập và cải tiến liên tục. Đây là một bước đi chiến lược để biến tri thức thành tài sản chung của toàn xã hội, thúc đẩy sự hợp tác và đổi mới trong giáo dục.

5.3. Đào tạo và nâng cao năng lực số

Tỷ lệ người dùng internet cao chưa đủ để hình thành một xã hội học tập số hiệu quả. Vấn đề cốt lõi là nâng cao năng lực sử dụng công nghệ để học tập và làm việc. Cần triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng số toàn diện, hướng đến mọi đối tượng,

đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương như người lao động phổ thông, người lớn tuổi và người dân vùng nông thôn.

Các chương trình này không chỉ nên tập trung vào kỹ năng cơ bản như sử dụng máy tính, internet mà còn phải bao gồm các kỹ năng quan trọng hơn như tư duy phản biện, khả năng tìm kiếm và đánh giá thông tin, và an toàn trực tuyến. Việc tổ chức các lớp học cộng đồng, các buổi hướng dẫn trực tiếp tại các trung tâm học tập cộng đồng hoặc triển khai các đội ngũ tình nguyện viên “số hóa” sẽ giúp phổ cập kiến thức một cách hiệu quả. Đồng thời, cần lồng ghép các kỹ năng này vào chương trình giáo dục phổ thông, giúp thế hệ trẻ được trang bị đầy đủ năng lực để trở thành những công dân số trong tương lai.

5.4. Hoàn thiện khung pháp lý và chính sách

Để xây dựng xã hội học tập số (XHHTS) hiệu quả và bền vững, việc hoàn thiện khung pháp lý và chính sách đồng bộ là điều kiện tiên quyết. Hiện nay, các chính sách về giáo dục và đào tạo số còn phân tán giữa nhiều Bộ, ngành, dẫn đến chồng chéo, thiếu nhất quán và khó triển khai. Vì vậy, cần xây dựng một chiến lược quốc gia tổng thể, dài hạn về phát triển XHHTS nhằm tạo cơ sở pháp lý minh bạch, thống nhất và khả thi.

Chiến lược này cần xác định rõ mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, lộ trình và phân công trách nhiệm cho từng cơ quan quản lý. Điều đó giúp tránh tình trạng thiếu phối hợp, đảm bảo sự thống nhất trong quản lý, giám sát và đánh giá hiệu quả. Đồng thời, chiến lược phải liên kết mục tiêu phát triển giáo dục số với các chương trình chuyển đổi số quốc gia, phát triển nhân lực chất lượng cao và đổi mới sáng tạo.

Một khung pháp lý hoàn chỉnh cần bao quát nhiều nội dung:

Thứ nhất, quy định rõ việc quản lý và vận hành các nền tảng học tập số, bảo đảm tính hiệu quả, minh bạch và khả năng tích hợp học liệu đa dạng.

Thứ hai, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường số, khuyến khích phát triển nội dung chất lượng cao và xử lý nghiêm vi phạm bản quyền.

Thứ ba, đảm bảo an ninh mạng và bảo mật thông tin người dùng, bảo vệ dữ liệu cá nhân của học viên, giáo viên và tổ chức giáo dục trước nguy cơ tấn công mạng.

Bên cạnh đó, cần tăng cường cơ chế phối hợp liên Bộ, ngành giữa giáo dục, thông tin - truyền thông, khoa học công nghệ và tài chính để đầu tư hạ tầng, phát triển nội dung số, đào tạo kỹ năng số và giám sát hiệu quả thực thi. Sự phối hợp này giúp tối ưu hóa nguồn lực, tránh lãng phí và lan tỏa tinh thần học tập suốt đời trong toàn xã hội.

Kết quả của việc hoàn thiện khung pháp lý và chính sách sẽ là một môi trường học tập số minh bạch, an toàn và thuận lợi. Môi trường này sẽ khuyến khích sự tham gia của các tổ chức giáo dục, doanh nghiệp công nghệ, cộng đồng học viên và các cá nhân, góp phần hình thành một xã hội học tập số bền vững, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh và sáng tạo của Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Chính trị. (2019). *Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*.
- [2]. Bộ Chính trị. (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.

- [3]. Chính phủ. (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.”*
- [4]. Dewey, J. (1916). *Democracy and education: An introduction to the philosophy of education*. Macmillan.
- [5]. Drucker, P. F. (1993). *Post-capitalist society*. HarperBusiness.
- [6]. Đỗ, V. H., Phạm, H. C., Nguyễn, T. K. D., Phan, T. Đ., Lê, Q. H., Trần, Đ. H., Mai, A. T., & Bùi, T. T. (2022). *Năng lực số*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7]. Hoàng, S. T., Nguyễn, T. M. L., & Nguyễn, T. L. (2023). *Chuyển đổi số trong giáo dục*. Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông.
- [8]. Ken Research. (2025). *South Korea EdTech and gamified learning market overview*. https://www.kenresearch.com/south-korea-edtech-and-gamified-learning-market?utm_source.com
- [9]. Knowles, M. S. (1980). *The modern practice of adult education: From pedagogy to andragogy*. Cambridge, The Adult Education Company.
- [10]. Ministry of Education Singapore. (2020, October 14). *Outcomes of SkillsFuture training programmes*. <https://www.moe.gov.sg/news/parliamentary-replies/20201014-outcomes-of-skillsfuture-training-programmes>.
- [11]. Ministry of Education Singapore. (2023, May 9). *Effectiveness of SkillsFuture Singapore (SSG)-funded training programmes in supporting disrupted workers to reskill or upskill and find employment*. <https://www.moe.gov.sg/news/parliamentary-replies/20230509-effectiveness-of-skillsfuture-singapore-ssg-funded-training-programmes-in-supporting-disrupted-workers-to-reskill-or-upskill-and-find-employment>.
- [12]. Niemi, H., & Isopahkala-Bouret, U. (2024). *Insights from Finland's teacher education policy*. European Training Foundation (ETF). <https://www.etf.europa.eu/sites/default/files/2024-10/Insights%20from%20Finland%27s%20Teacher%20Education%20Policy.pdf>.
- [13]. Phan, H. N. A. (2024). Phát triển nguồn nhân lực số trong tiến trình chuyển đổi số hiện nay. *Tạp chí Lý luận Chính trị*. <https://lyluanchinhtri.vn/phat-trien-nguon-nhan-luc-so-trong-tien-trinh-chuyen-doi-so-hien-nay-6578.html>
- [14]. Siu, L. H. (2024). From a learning to a smart nation: the rise of the digitalization megatrend and Singapore's development. *Journal of Electronic Business & Digital Economics*, 4(1), 73-87. <https://doi.org/10.1108/JEBDE-05-2024-0013>.
- [15]. SkillsFuture Singapore. (2023). *Annual report FY2023*. SkillsFuture Singapore. <https://www.skillsfuture.gov.sg/docs/default-source/about-skillsfuture/annual-reports/skillsfuture-singapore-fy2023-annual-report.pdf>.
- [16]. SkillsFuture Singapore. (2024, February 1). *SkillsFuture year-in-review 2024*. SkillsFuture Singapore. <https://www.ssg.gov.sg/newsroom/skillsfuture-year-in-review-2024>.
- [17]. Smart Nation and Digital Government Office. (2024). *Smart Nation 2.0: Paving the way for a new digital era*. GovTech Singapore. <https://www.tech.gov.sg/technews/our-enhanced-smart-nation-vision-paving-the-way-for-a-new-digital-era>.
- [18]. UNESCO. (1996). *Learning: The treasure within (Delors Report)*. UNESCO Publishing.
- [19]. Vũ, V. H. (2022). Chuyển đổi số giáo dục và phát triển xã hội học tập tại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 1(1), 10-25.

DEVELOPING A DIGITAL LEARNING SOCIETY IN VIETNAM: POLICY ANALYSIS IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION AND SUSTAINABLE DEVELOPMENT

Tran Thi Mai Hanh², Bui Thi Nga², Trinh Hai Yen²

Abstract: *This paper examines policies for developing a digital learning society in Vietnam in the context of digital transformation and sustainable development. Using document analysis and synthesis, the study reviews legal and strategic frameworks issued by the Government, the Ministry of Education and Training, and related agencies. Findings show that Vietnam has made progress in establishing policy foundations, but faces challenges in digital infrastructure, citizens' digital competence, and coordination of implementation. International experiences highlight diverse models: South Korea's investment in telecommunications and national online learning platforms; Singapore's SkillsFuture program linking state, enterprises, and citizens to promote lifelong learning; and Finland's emphasis on open, equitable, and personalized digital education. Based on these insights, the paper recommends greater public investment in digital infrastructure, building an open learning ecosystem, enhancing community awareness, and further improving the legal framework. These measures are expected to advance a sustainable digital learning society in line with global trends.*

Keywords: *policy, digital transformation, digital learning, sustainable development, learning society*

² Hanoi Open University